

Bản án số: 55/2018/HSST

Ngày: 19/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tiền

2. Bà Đặng Thị Nhác

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đăng Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP.Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/HSST ngày 01/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐ-HSST ngày 05/3/2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ HUYỀN N, sinh năm: 1989; HKTT và nơi ở: Tổ 16, phường B, quận Long Biên, Hà Nội; Dân tộc: Kinh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn M, con bà: Nguyễn Thị T, chồng: Hoàng Anh N1, có 01 (Một) con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **104** lập ngày 05/01/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 01 (một) tiền án: Án số 270/2012/HSST ngày 22/10/2012, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt thi

hành án ngày 15/3/2013. Bị án ra tù ngày 11/12/2014, Bị án đã nộp án phí ngày 03/12/2012 (Đã được xóa án tích); Bị bắt truy nã ngày: 02/01/2018. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an TP Hà Nội. SG: 925Q/M3. (Có mặt)

***Bị hại:** Anh Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đội 1, thôn Y xã D, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. (Có đơn xin xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1987. Địa chỉ số 01/15 C, phường Đ, quận Long Biên, TP.Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h 30' ngày 02/7/2017, anh Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1985, HKTT: Đội 1, xã D, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 29N1-314.10 đến khu vực phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội để đón Nguyễn Thị Huyền N đi ăn sáng và uống cà phê. Sau đó tại quán cà phê phường Bồ Đề, N mượn xe máy của anh B1 để đi đón bạn. Do là bạn bè quen biết nên anh B1 tin tưởng giao xe máy cho N. Đến khoảng 11h cùng ngày vẫn không thấy N mang xe máy về trả nên anh B1 gọi điện thoại cho N thì không liên lạc được. Khoảng 30 phút sau, N gọi lại cho anh B1 nói là xe máy của anh đã mang đi cầm cố cho đối tượng tên T2 ở Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội, nếu muốn lấy xe anh B1 phải chuẩn bị số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). N hẹn khoảng 14h cùng ngày sẽ gặp nhau ở Cầu Đuống, phường Đức Giang, quận Long Biên để anh B1 giao tiền cho N đi chuộc xe, anh B đồng ý. Sau đó, N đã nhờ Nguyễn Văn V1 – SN; 1987, HKTT; Số 1/15 phố C, Tổ 6, phường Đ (là bạn quan hệ xã hội với N) đi xe máy trên để ra gặp anh B1. Do anh B1 nghi ngờ lời nói của N nên đã tới cơ quan công an phường Bồ Đề trình báo, nên khi V1 đang giao xe

máy cho anh B1 và nhận số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) từ anh B1 thì bị Công an phường Bồ Đề phát hiện, đưa V1 và anh B1 về trụ sở Công an giải quyết.

Tang vật thu giữ: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 29N1-314.10 và số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại cơ quan Công an, Nguyễn Văn V1 khai toàn bộ việc trên do Nguyễn Thị Huyền N nhờ nên cơ quan Công an đã triệu tập N lên làm việc. Tại cơ quan điều tra N khai do không có tiền chi tiêu cho cá nhân nên đã nảy sinh ý định nói dối với anh B1 là đã đặt xe mượn của anh nhằm chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) với lý do dùng để chuộc xe của anh B1. Ngày 14/11/2017, Cơ quan CSĐT-Công an quận Long Biên đã khởi tố bị can đối với N và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó, N bỏ trốn nên ngày 02/01/2018, Cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên ra quyết định truy nã. Cùng ngày, N đến cơ quan điều tra Công an quận Long Biên đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Văn V1, trong quá trình điều tra đã khai V1 hoàn toàn không biết việc phạm tội của N nên Cơ quan CSĐT-Công an quận Long Biên không có căn cứ để xử lý.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 29N1-314.10, qua điều tra xác định đăng ký chính chủ là anh Nguyễn Thanh B1, xe số khung, số máy nguyên thủy, xe trên không có trong danh sách dữ liệu xe máy vật chứng. Kết quả định giá số 97 ngày 21/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên kết luận: Xe máy hiệu Honda Airblade BKS: 29N1-314.10 đã qua sử dụng trị giá 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) (BL 30,31). Cơ quan điều tra – Công an quận Long Biên đã trao trả cho anh B1 chiếc xe máy trên, anh B1 đã nhận lại xe và đề nghị các cơ quan pháp luật trao trả cho anh số tiền 9.000.000 (Chín triệu đồng) đồng đã bị cơ quan Công an tạm giữ.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 26/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Thị Huyền N về tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*** theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Huyền N đã đủ yếu tố cấu thành tội: ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*** theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 nên giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra và truy tố, bị cáo có 01 (Một) tiền án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản năm 2012, tuy đã được xóa án tích nhưng cũng coi là có nhân thân xấu. Bị cáo thật thà khai báo ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, phạm tội trong trường hợp chưa đạt đã hoàn thành. Vì các tình tiết nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 139, khoản 3 Điều 52 BLHS 1999; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS 2015. **Về hình phạt:** Đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ 15 đến 18 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền; trả anh Nguyễn Thanh B1 số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền N trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản sự việc (BL32), lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14h ngày 02/7/2017, tại khu vực cầu Đuống, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, Nguyễn Thị Hồng N sau khi mượn chiếc xe máy Honda Airblade BKS: 29N-314.10 của anh Nguyễn Thanh B1 đã có thủ đoạn không trả lại xe mà nói dối xe đã bị đi đặt (cầm cố) và yêu cầu anh B1 phải giao 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) để đi chuộc xe về. Mục đích của việc gian dối nêu trên nhằm chiếm đoạt khoản tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) của anh B1 để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi anh B1 đang chuẩn bị giao số tiền nêu trên cho V1 là người được N nhờ đến nhận tiền hộ thì bị cơ quan công an phát hiện đưa về cơ quan công an điều tra làm rõ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Huyền N đã phạm vào tội: **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội: **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo khẳng định hành vi của bị cáo nhằm mục đích để có tiền chi tiêu cho cá nhân, không có mục đích nào khác. Bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tiếp tay cho tệ nạn và các tội phạm về xâm phạm sở hữu đang gia tăng trong xã hội, làm mất trật tự trị an xã hội. Về nhân thân bị cáo đã có 01 (Một) tiền án năm 2012, tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã chấp hành và ra trại ngày 11/12/2014, đã nộp án phí 03/12/2012, là được xóa án tích. Tuy bản án này đã xóa nhưng cũng coi bị cáo có nhân thân xấu. Mặt khác khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn trong nhiều tháng phải ra lệnh truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như công tác răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, bản thân cũng đã tự nguyện viết đơn xin ra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội trong trường hợp chưa đạt đã hoàn thành nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, đồng thời lượng hình theo quy định tại khoản 3 Điều 52 BLHS 1999 trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát (VKS) đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo. Đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3]**Về xử lý vật chứng:** Trả lại anh Nguyễn Thanh B1 số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) đã thu giữ của anh. Đối với Nguyễn Văn V1, trong quá trình điều tra đã khai V1 hoàn toàn không biết việc phạm tội của N nên Cơ quan

CSĐT-Công an quận Long Biên không có căn cứ để xử lý, có căn cứ nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Huyền N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Huyền N** phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 139, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự 1999;
- Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015;
- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Huyền N 18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **02/01/2018**.

2. Về tang vật: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho anh Nguyễn Thanh B1 khoản tiền **9.000.000 đồng** (Chín triệu đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền N có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Thanh B1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Sở Tư pháp T.P Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng